

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **270/2022/HSST**

Ngày: 10/11/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Trục và ông Nguyễn Xuân Cường.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thái Vũ- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Khanh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (60 Nguyễn Huệ, Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 231/2022/HSST ngày 01 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2022/QĐXXST-HS ngày 25/10/2022, đối với bị cáo:

Lê Quốc B, tên gọi khác: Không; sinh ngày 14/9/2005 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi ĐKNKTT: Số 05/5/66 đường X, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Số 36 đường N, phường T, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hoá: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; con ông Lê N, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1975; vợ: con: Chưa có; Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ, đang học lớp 9/2 trường trung học cơ sở H2, phường T, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

Ông Lê N, sinh năm 1972 (bố của bị cáo); địa chỉ: huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1975 (mẹ của bị cáo); địa chỉ: Số 36 đường N, phường T, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Huỳnh Thị Ngọc T- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Bị hại: Chị Phan Thị Phương A, sinh năm 2002; địa chỉ: Số 299 đường N1, phường T1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng

mất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1975 (mẹ của bị cáo); địa chỉ: Số 36 đường N, phường T, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Người làm chứng: Chị Lê Phan Nhật L, sinh năm 2006; địa chỉ: Số 24/10 đường N2, phường V1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Quốc B và Phan Thị Phương A quen biết nhau khi đi làm cộng tác viên chương trình VietNam Summer Fair 2022. Sáng ngày 29/5/2022, Lê Quốc B và Phan Thị Phương A đến tại số 55 đường N3, phường V1, thành phố H để cùng tham gia chương trình VietNam Summer Fair 2022. Đến khoảng 20 giờ 30 phút, khi tiến hành dọn dẹp, Phương A đã nhờ B giữ giúp điện thoại của mình cho tiện đi dọn vệ sinh thì B đồng ý. Sau khi nhận nhận giữ giúp điện thoại của Phương A, B nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã đem giấu điện thoại. Dọn dẹp xong, Phương A hỏi B để lấy lại điện thoại nhưng B trả lời không biết. Nghĩ điện thoại bị mất nên Phương A cùng B và bạn bè của mình tìm kiếm nhưng không có kết quả. Đến khoảng 21 giờ 30 phút thì Phương A ra về, B ngồi một lúc rồi đi đến nơi cất giấu lấy điện thoại mang về. Sau khi chiếm đoạt được điện thoại, B tháo sim điện thoại đang cắm trong máy ra rồi sử dụng điện thoại khác (hiệu Iphone X) thông qua mạng xã hội nhắn tin liên lạc với Phương A nói dối giúp tìm điện thoại nhưng mục đích là để có được mật khẩu đăng nhập. Phương A tưởng B giúp mình thật nên đã cung cấp mật khẩu cho B. Có được mật khẩu, B đăng nhập và khôi phục lại cài đặt gốc, lắp sim điện thoại của mình vào và sử dụng. Sau khi nhận thấy tài khoản trên điện thoại của mình bị đăng xuất, Phương Anh biết là B đã chiếm đoạt điện thoại của mình nên đã trình báo Công an. Khi bị Công an mời lên làm việc thì B đem điện thoại đã chiếm đoạt của Phương A về nhà bạn là Lê Phan Nhật L nhờ giữ giúp.

Vật chứng thu giữ:

- Lê Phan Nhật L giao nộp 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 pro màu gold viền bằng nhôm, có ốp lưng bằng cao su màu vàng, số sê ri G6TDH45COD85, số IMEL: 356686110475221 và 356686110387186 dung lượng 128G;

- Lê Quốc B giao nộp 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 117/KL- HĐĐG ngày 03/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tô tụng hình sự thành phố Huế xác định: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 pro màu gold số IMEL: 356686110475221 tại thời điểm ngày 29/5/2022 có giá trị là 12.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại điện thoại di động hiệu Iphone 12 pro màu gold, số IMEL: 356686110475221 cho chị Phan Thị Phương A.

Đối với điện thoại di động Iphone X màu đen tạm giữ của Lê Quốc B, quá trình điều tra xác định là tài sản của bà Nguyễn Thị Thu S (mẹ của Lê Quốc B), bà S không biết việc B sử dụng vào việc phạm tội nên cơ quan điều tra Công an thành phố H đã ra quyết định xử lý vật chứng số 70 ngày 08/8/2022 trả lại điện thoại di động Iphone X màu đen cho bà S.

Chị Phan Thị Phương A sau khi nhận lại điện thoại di động của mình không có yêu cầu gì thêm, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho Lê Quốc B.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Lê Quốc B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt.

Bản cáo trạng số 245/CT-VKS-HS ngày 16/09/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định truy tố bị cáo Lê Quốc B về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 100 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Quốc B từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Lê Quốc B: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 100 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo B 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo thủ tục chung.

[2] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố

tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[3] Về tội danh: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà hôm nay, bị cáo Lê Quốc B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, đại diện hợp pháp của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 29/5/2022, tại số nhà 55 đường N3, phường V1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, sau khi nhận giữ giúp điện thoại di động hiệu Iphone 12pro màu gold của chị Phan Thị Phương A, Lê Quốc B đã cất giấu, khi chị Phương A hỏi thì B giả vờ không biết sau đó chiếm đoạt sử dụng.

Hành vi của bị cáo Lê Quốc B sau khi nhận điện thoại do chị Phương A nhờ giữ giúp liền cất giấu, khi chị Phương A hỏi thì B giả vờ không biết, đây là thủ đoạn gian dối của B nhằm chiếm đoạt điện thoại của chị Phương A có giá trị 12.000.000 đồng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố đối với bị cáo Lê Quốc B về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hình phạt: Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo nhằm mục đích hưởng lợi bất chính, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên cần được xử lý nghiêm. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; bị cáo sinh ngày 14/9/2005, thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản vào ngày 29/5/2022 là thời điểm chưa đủ 18 tuổi (16 tuổi 8 tháng 15 ngày) nên được hưởng chính sách về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại Điều 100 Bộ luật hình sự, nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó không cần thiết áp dụng hình phạt tù mà cần áp dụng Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo bằng hình thức cải tạo không giam giữ, giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú và gia đình của bị cáo quản lý giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe phòng ngừa.

[7] Đối với hành vi của Lê Phan Nhật L nhận giữ giúp điện thoại cho Lê Quốc B nhưng không biết rõ tài sản do phạm tội mà có nên không cấu thành tội phạm. Cơ quan Công an thành phố H đã nhắc nhở rút kinh nghiệm là đúng pháp luật.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với điện thoại di động hiệu Iphone 12 pro màu gold, số IMEL: 356686110475221, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho bị hại là đúng pháp luật, tại phiên tòa không có ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với điện thoại di động Iphone X màu đen, quá trình điều tra xác định là tài sản của bà Nguyễn Thị Thu S, bà S không biết việc B sử dụng vào việc phạm tội nên cơ quan điều tra Công an thành phố H đã ra quyết định xử lý vật chứng số 70 ngày 08/8/2022 trả lại điện thoại di động Iphone X màu đen cho bà S là đúng pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Chị Phan Thị Phương A sau khi nhận lại điện thoại di động của mình, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm a Khoản 1 Điều 175; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 100 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Quốc B phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Quốc B 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Quốc B cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Quốc B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TTHuế;
- Sở Tư pháp tỉnh TTHuế;
- Phòng PV06 Công an tỉnh TTHuế;
- Công an thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- THA HS, THA DS;
- Bị cáo, đại diện hợp pháp của bc;
- Bị hại, người bào chữa;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Huế